

Một số khía cạnh giới cần quan tâm trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011-2015

Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh

Viện Gia đình và Giới

Phạm Thu Hiền

Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Bài viết là tóm tắt kết quả phân tích khía cạnh giới đối với bản dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 (bản 2, tháng 5 năm 2010, trong bài viết sẽ dùng là Kế hoạch 2011-2015). Việc phân tích này dựa trên những nội dung trình bày trong dự thảo Kế hoạch 2011-2015 và các tài liệu có liên quan (đặc biệt là Dự thảo Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chuẩn bị, bản thảo ngày 29 tháng 8 năm 2010) cũng như các ý kiến đóng góp của Nhóm Điều phối chương trình giới của Liên hiệp quốc gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư vào tháng 6 năm 2010.

Từ khóa: Giới; Lồng ghép giới; Giới trong phát triển kinh tế - xã hội.

Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ trong việc thúc đẩy bình đẳng giới được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và hệ thống luật pháp nhà nước. Việc đưa yếu tố giới vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm là một bước cụ thể hóa các cam kết chính trị của Đảng và Chính phủ hướng tới mục tiêu bình đẳng giới. Việc định hướng rõ ràng về giới và bảo đảm tính nhất quán của việc lồng ghép giới trong các ngành,

lĩnh vực của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành. Đồng thời, việc lồng ghép giới trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, cũng như trong kế hoạch của các ngành, lĩnh vực sẽ bảo đảm sự thống nhất và mối quan hệ chặt chẽ giữa Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới với các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Bài viết là tóm tắt kết quả phân tích khía cạnh giới đối với bản **dự thảo** Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 (bản 2, tháng 5 năm 2010, trong bài viết sẽ dùng là Kế hoạch 2011-2015). Việc phân tích này dựa trên những nội dung trình bày trong dự thảo Kế hoạch 2011-2015 và các tài liệu có liên quan (đặc biệt là Dự thảo Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chuẩn bị, bản thảo ngày 29 tháng 8 năm 2010) cũng như các ý kiến đóng góp của Nhóm Điều phối chương trình giới của Liên hiệp quốc gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư vào tháng 6 năm 2010.

Bài viết gồm ba phần, một là nhận xét chung, hai là những nội dung phân tích giới đối với việc đánh giá thực hiện Kế hoạch 2006-2010 và ba là những nội dung cần được quan tâm nhằm tăng cường việc lồng ghép giới vào Kế hoạch 2011-2015.

1. Nhận xét chung

Bản Kế hoạch 2011-2015 đã quan tâm và đề cập cụ thể đến một số vấn đề giới, tuy nhiên, khía cạnh bình đẳng giới trong Kế hoạch còn được xem như một vấn đề riêng biệt, chưa phải là một nội dung xuyên suốt trong các lĩnh vực và các ngành. Các số liệu, chỉ tiêu nêu ra trong Kế hoạch 2011-2015 hầu hết chưa được tách biệt theo giới tính. Chính vì vậy, trong bản Kế hoạch chưa thể hiện rõ được những nhóm xã hội nào (trong đó có nhóm nam/nữ) được hưởng lợi hay bị bỏ qua trong quá trình phát triển của Việt Nam. Có thể nêu lên một số ví dụ sau:

Hầu như không có những số liệu phân tích tách biệt theo các nhóm xã hội về những tác động hay lợi ích mà họ có được từ sự tăng trưởng kinh tế và phát triển. Hầu như không có sự phân tích về tính hiệu quả của các Chương trình mục tiêu quốc gia như chương trình xóa đói giảm nghèo, với các số liệu có tách biệt theo giới tính, để làm cơ sở cho việc xây dựng các biện pháp can thiệp cho thời kỳ 2011-2015. Hầu như không đề cập đến những thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam có tham gia như Công ước quốc

tế xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (công ước CEDAW) hay Những mục tiêu thiên niên kỷ.

Vấn đề bạo lực trên cơ sở giới, trong đó đặc biệt là bạo lực gia đình trên cơ sở giới, chưa được đề cập mặc dù đây là một trong những vấn đề rất bức xúc hiện nay và nó có những tác động tiêu cực đến chất lượng cuộc sống và an toàn xã hội của người dân, trong đó có nhóm phụ nữ và trẻ em.

Các dịch vụ xã hội phục vụ gia đình như chăm trẻ, người khuyết tật và người già là rất quan trọng trong việc hỗ trợ và tăng thêm chất lượng cuộc sống cho các nhóm đối tượng trong xã hội, đặc biệt là phụ nữ vì họ thường là những người đảm nhiệm chủ yếu các hoạt động chăm sóc này. Đáng tiếc là các loại hình dịch vụ này chưa nhận được sự quan tâm trong bản Kế hoạch 2011-2015.

Không có các dẫn chứng về vai trò của phụ nữ trong nông nghiệp, sự khác biệt về giới trong thu nhập ở nông thôn, an ninh lương thực và khu vực kinh tế phi chính thức. Chưa cung cấp được những phân tích giới hoặc những xu hướng tác động của các định hướng phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu đối với phụ nữ và bình đẳng giới trong thời gian tới.

2. Phân tích giới đối với kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010

Phát triển kinh tế

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Chưa nêu bật được tình trạng chuyển dịch cơ cấu lao động nữ còn chậm, lao động nữ tập trung đông ở ngành nông nghiệp... Thực tế cho thấy lao động nữ còn tập trung chủ yếu ở những ngành dựa vào sức lao động, còn lao động nam ở những ngành dựa vào vốn và kỹ thuật. Lao động nữ chiếm trên 70% ở các ngành dệt, may, da giày, chế biến nông sản. Lao động nam tập trung ở các ngành giao thông, xây dựng, bưu chính viễn thông. Phần lớn lao động nữ làm việc trong điều kiện lao động chưa được cải thiện nhiều, thời gian lao động kéo dài, việc làm bấp bênh, rủi ro cao. Tỷ lệ nữ làm lao động giản đơn là 53,6%, làm trong khu vực phi nông nghiệp là 47,3% (Tổng cục Thống kê, 2008). Do tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp, phụ nữ nông thôn đã, đang và sẽ đối diện với nhiều nguy cơ giảm thu nhập và mất nguồn sống do ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết cực đoan, của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Về phát triển các loại hình doanh nghiệp: bản dự thảo Kế hoạch chưa

đề cập đến doanh nghiệp do nữ làm chủ, những đóng góp cũng như thách thức của họ. Lao động nữ hiện chiếm một tỷ lệ lớn trong khu vực kinh tế không chính thức, các cơ sở kinh doanh nhỏ, lao động tại nhà, lao động làm thuê hộ gia đình, lao động di cư, ở các lĩnh vực thường chưa được pháp luật lao động điều chỉnh và không được hưởng lợi từ hệ thống an sinh xã hội chính thức. Tỷ lệ nữ tự làm trong nông nghiệp và phi nông nghiệp là 73,4%, so với nam là 59% (Tổng cục Thống kê, 2009), lao động nữ không được trả công trong kinh tế gia đình là 53,3% so với 32% của nam (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2009). Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp còn thấp, chiếm 24% trong tổng số chủ doanh nghiệp (Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam và Tổ chức Lao động Quốc tế, 2007). Đây không chỉ là thách thức lớn hiện nay mà trong thời gian tới, lao động nữ, đặc biệt là lao động nữ nông thôn và vùng sâu, vùng xa sẽ gặp nhiều trở ngại hơn khi cạnh tranh trên thị trường lao động ngày càng gay gắt, nhất là khi Việt Nam thực hiện các cam kết của WTO về cắt giảm thuế nhập khẩu, mở cửa thị trường dịch vụ và sản xuất hàng tiêu dùng.

Giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ

Những vấn đề bất bình đẳng giới chủ yếu trong giáo dục chưa được đề cập. Chẳng hạn, hiện nay, phụ nữ thuộc gia đình nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn gặp nhiều trở ngại trong tiếp cận giáo dục. Số liệu Tổng điều tra dân số (TĐTDS) 2009 cho biết phụ nữ và trẻ em gái vẫn chiếm số đông trong số người ở độ tuổi từ 15 đến 40 trong dân số không biết đọc, biết viết ở các vùng sâu, vùng xa⁽¹⁾. Giáo dục mầm non còn gặp nhiều khó khăn, thể hiện ở việc thiếu hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo và những bất cập trong chế độ lương đối với giáo viên mầm non. Những khó khăn này có ảnh hưởng đáng kể đến việc cung cấp cơ hội tiếp cận bình đẳng về giáo dục, phát triển trí lực của trẻ em trai và trẻ em gái, nếu được giải quyết sẽ giúp các em gái có thêm cơ hội đến trường vì không phải trông em, phụ nữ có thể tăng thời gian lao động sản xuất và đóng góp nhiều hơn cho kinh tế. Việc giải quyết tốt chính sách cho giáo viên mầm non là đáp ứng nhu cầu của một bộ phận phụ nữ vì hầu hết giáo viên mầm non là nữ giới. Ở bậc sau đại học, khoảng cách giới còn lớn. Tỷ lệ nữ là tiến sĩ, thạc sĩ, nữ trí thức làm khoa học tuy có tăng nhưng chưa tương xứng với lực lượng và tiềm năng lao động nữ⁽²⁾. Định kiến giới trong sách giáo khoa hiện nay cũng có những tác động tiêu cực đến nhận thức của đội ngũ giáo viên và học sinh về vai trò của phụ nữ/trẻ em gái và nam giới/trẻ em trai trong gia đình và xã hội.

Các lĩnh vực xã hội

Về tạo việc làm cho người lao động, các số liệu về tỷ lệ lao động qua đào tạo, lượt lao động được giải quyết việc làm, số liệu về lao động xuất khẩu chưa được tách biệt theo giới tính. Phần đánh giá chưa nêu được thực trạng là lao động nữ có xu hướng tập trung vào những ngành nghề có thu nhập thấp và việc làm không ổn định. Hiện nay, tỷ lệ lao động nữ chưa qua đào tạo, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, còn ở mức cao⁽³⁾. Phụ nữ ít được tiếp cận thông tin về lao động, việc làm và thị trường. Thu nhập thực tế của lao động nữ chỉ bằng 74,5% thu nhập của lao động nam (Tổng cục Thống kê, 2008).

Về công tác xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội, chưa đề cập đến tình hình hộ nghèo do nữ làm chủ và các vấn đề giới đặt ra trong hệ thống an sinh xã hội (tỷ lệ nữ hưởng trợ cấp thấp hơn nam, phụ nữ cao tuổi dựa vào gia đình trong khi nam giới dựa vào hỗ trợ của Nhà nước, tỷ lệ nữ tham gia bảo hiểm xã hội v.v.). Phụ nữ ít được tiếp cận, kiểm soát các nguồn lực tài chính và kinh tế ở gia đình và cộng đồng. Theo số liệu Điều tra mức sống dân cư 2008, tỷ lệ tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo do nữ làm chủ hộ là 46,8%, tỷ lệ này ở hộ nghèo do nam làm chủ hộ là 57%.

Về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, các số liệu hầu hết chưa được tách biệt theo giới tính. Chưa nêu bật tình trạng cụ thể về mất cân bằng giới tính khi sinh hiện nay và hệ quả của tình trạng này trong những năm tới. Vấn đề chăm sóc sức khỏe phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số còn chưa được quan tâm, trong khi một thách thức đáng kể hiện nay là tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế. Mức giảm tỷ suất chết mẹ trong 10 năm qua còn chậm, nhất là ở vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số. Những vấn đề giới trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe chưa được đề cập đầy đủ như tỷ lệ nạo thai cao, tỷ lệ nhiễm HIV của nữ tăng cao, phụ nữ mang thai bị nhiễm HIV, v.v. Chẳng hạn, tỷ lệ nữ nhiễm HIV thấp hơn nam giới nhưng có xu thế tăng⁽⁴⁾, đặc biệt là do nguy cơ lây nhiễm qua chồng và bạn tình. Ước tính tỷ lệ phụ nữ nhiễm HIV ở Việt Nam năm 2010 là 0,25% (Bộ Y tế và Cục Phòng chống HIV, 2009). Vai trò và sự tham gia của nam giới trong công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) và sức khỏe sinh sản (SKSS) chưa được coi trọng. Ngoài ra, nam giới cũng đang phải đối mặt với những thách thức khác như tỷ lệ nhiễm HIV của nam giới cao do mại dâm và sử dụng ma túy. Tỷ lệ tử vong cao do hút thuốc, uống rượu và tai nạn giao

thông.

Về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, Kế hoạch 2011-2015 không đề cập đến vấn đề giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin. Nhất là sự khác biệt nam - nữ trong hưởng thụ các sản phẩm văn hóa - thông tin. Chưa nêu vấn đề định kiến giới trên các phương tiện truyền thông và việc lạm dụng giới tính qua quảng cáo. Trong thực tế các sản phẩm truyền thông có định kiến giới còn được đăng tải và phát sóng rộng rãi. Điều đó góp phần củng cố định kiến giới về vai trò của nam giới và phụ nữ trong nhiều tầng lớp nhân dân. Những quan niệm này đang tạo ra nhiều rào cản đối với sự lựa chọn các cơ hội phát triển của cả nam và nữ trong khi chúng vẫn được nhiều người nhìn nhận là vấn đề của văn hóa truyền thống. Chưa nêu vấn đề bất bình đẳng giới trong chăm sóc vận động viên nam nữ và phát triển thể thao. Thực tế cho thấy có những nhìn nhận và đối xử chưa công bằng của xã hội giữa vận động viên nam và nữ.

Về bình đẳng giới, chưa nêu được những biểu hiện chính của sự bất bình đẳng giới hiện nay (trong lao động việc làm, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe,...) cũng như các nguyên nhân của tình trạng này. Chưa đánh giá việc thực hiện các mục tiêu và giải pháp về giới nêu trong Kế hoạch 5 năm 2006-2010. Đặc biệt, một số vấn đề chưa được đề cập như đã nói ở các mục trên cần được phân tích kỹ hơn. Chẳng hạn, tỷ lệ nữ làm quản lý, lãnh đạo còn thấp so với các vị trí quản lý, lãnh đạo nói chung ở nhiều cấp như trong cơ quan dân bầu, cơ quan chính quyền các cấp và các cấp ủy đảng. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội tăng không bền vững và chưa đạt chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến 2010 (phần đầu đạt từ 33% trở lên). Cũng nên có những dẫn chứng về tình trạng tồn tại bạo lực gia đình, mua bán người và bạo lực tình dục đối với phụ nữ và trẻ em ở nhiều nơi. Bạo lực gia đình gây tổn thất cho nhiều gia đình và tác động tiêu cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước (tăng tình trạng bệnh tật và tự tử, mất khả năng tham gia sản xuất, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội,...), vì thế cần được quan tâm hơn, đặc biệt trong bối cảnh Quốc hội đã ban hành Luật Phòng chống bạo lực gia đình từ năm 2007.

Việc hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới cũng cần được quan tâm đề cập vì đây là vấn đề quan trọng trong việc thực hiện những nhiệm vụ về bình đẳng giới. Trong 10 năm qua, hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam đã từng bước được hoàn thiện trên cơ sở cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu của Đảng về bình đẳng giới và phù hợp với Công ước CEDAW và các công ước quốc tế khác mà

Việt Nam là thành viên. Đến nay, Việt Nam được đánh giá là đã cơ bản hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Tổ chức bộ máy thực hiện bình đẳng giới từng bước được hoàn thiện và phát triển. Tuy nhiên, còn một số tồn tại trong lĩnh vực này. Các văn bản hướng dẫn Luật Bình đẳng giới chưa hoàn chỉnh và đồng bộ. Việc triển khai luật pháp, chính sách về bình đẳng giới còn chậm, thiếu sự chỉ đạo tập trung. Số liệu tách biệt theo giới phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và lập ngân sách chưa được quan tâm xây dựng ở từng bộ, ngành cũng như trong cả nước. Công tác truyền thông rộng rãi về Luật Bình đẳng giới chưa được quan tâm đúng mức. Năng lực của bộ máy quốc gia quản lý nhà nước về bình đẳng giới còn nhiều hạn chế.

3. Những nội dung về giới cần được bổ sung vào kế hoạch 2011-2015

Về mục tiêu tổng quát

Hiện tại mục tiêu của dự thảo Kế hoạch 2011-2015 chưa nêu khía cạnh giới. Việc bổ sung khía cạnh “tăng cường bình đẳng giới” sẽ làm cho mục tiêu tổng quát có tính toàn diện hơn, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển bền vững trên cơ sở tính đến nhu cầu của phụ nữ và nam giới.

Về phát triển kinh tế

Về phát triển doanh nghiệp, bổ sung ý về tạo điều kiện thuận lợi (về tín dụng, đăng ký chất lượng,...) cho các doanh nghiệp và cơ sở chế biến quy mô nhỏ và rất nhỏ (hộ gia đình). Trong thực tế, như phân tích ở trên đã chỉ rõ, một tỷ lệ lớn phụ nữ là lực lượng chủ yếu quản lý và lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất quy mô nhỏ. Vì vậy, việc tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở này hoạt động chính là một hành động cần thiết giúp nâng cao năng lực, vị trí và vai trò của phụ nữ cũng như sự đóng góp của họ đối với đất nước. Bên cạnh đó, tăng tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ trong hoạt động kinh tế, do đó tạo điều kiện thực hiện bình đẳng giới về thực chất nói chung. Vì vậy, nên bổ sung ý về tăng tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Về khu vực dịch vụ, giúp việc gia đình có ý nghĩa rất lớn đối với việc đảm bảo bình đẳng giới, góp phần giải phóng sức lao động của phụ nữ và nâng cao cơ hội học tập cho trẻ em gái. Vì vậy nên cân nhắc đưa định hướng phát triển dịch vụ gia đình vào mục này.

Về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ

Cần nhắc việc bổ sung các chỉ tiêu về giới trong giáo dục - đào tạo như đã nêu, cụ thể là về tỷ lệ biết chữ cho phụ nữ và nam giới độ tuổi 15-40 tại các vùng sâu, vùng xa; tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo; tỷ lệ nữ sinh viên... Việc đề ra các chỉ tiêu về giới trong giáo dục - đào tạo không nên hiểu là tạo thêm các chỉ tiêu trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo mà chỉ là cụ thể hóa chỉ tiêu dưới góc độ giới nhằm đạt được sự bình đẳng giới trong lĩnh vực này. Hơn nữa, điều này là hoàn toàn thống nhất giữa Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu về giới trong giáo dục - đào tạo được đề cập trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới.

Có định hướng đảm bảo bình đẳng giới trong giáo dục như việc xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái vùng dân tộc thiểu số, phát triển các chương trình dạy nghề đáp ứng nhu cầu của cả phụ nữ và nam giới, v.v. Có thể lồng ghép giới vào một số định hướng và giải pháp đã có sẵn trong Bản kế hoạch 2011-2015 hoặc có một định hướng riêng đề cập đến đảm bảo bình đẳng giới trong giáo dục.

Cần có định hướng và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ nâng cao chất lượng cuộc sống, tiết kiệm điện, nước, xử lý rác thải, ô nhiễm môi trường ở quy mô gia đình và cộng đồng và ứng phó với biến đổi khí hậu bởi lẽ những điều này liên quan đến quan hệ giới ở khía cạnh đời sống hàng ngày. Khoa học và công nghệ khi được phát triển và ứng dụng trong đời sống có quan tâm đến khía cạnh giới sẽ giúp thay đổi các mối quan hệ giới theo hướng tích cực và giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với phụ nữ và nam giới.

Về các lĩnh vực xã hội

Về lao động - việc làm, các mục tiêu và chỉ tiêu tạo việc làm mới và giảm tỷ lệ thất nghiệp cần được tách biệt theo giới tính. Như đã phân tích ở trên, hiện nay tỷ lệ qua đào tạo của lao động nữ thấp. Việc không tách biệt các chỉ tiêu theo giới tính thường dẫn đến tình trạng phụ nữ có ít cơ hội được hưởng lợi từ các chương trình tạo việc làm vì những lý do khác nhau. Đặt ra chỉ tiêu về giới đối với tạo việc làm mới sẽ là cơ hội để thu hẹp khoảng cách giới trong lao động, việc làm đồng thời mang lại “hiệu quả kép” cả về mặt kinh tế, xã hội và bảo đảm bình đẳng giới, có nghĩa là tạo ra sự phát triển theo đúng hướng công bằng và bền vững hơn.

Bên cạnh đó, khi đề cập đến thị trường lao động cần quan tâm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường lao động và đào tạo nghề với các thông tin tách biệt theo giới tính. Có các biện pháp cụ thể khuyến khích đầu tư

của xã hội vào việc cung cấp thông tin về thị trường lao động, thị trường đầu tư, thị trường tài chính, v.v. với giá rẻ, bảo đảm độ trung thực và cập nhật. Cần lưu ý rằng, lợi ích từ việc tiếp cận những thông tin này thuộc về người lao động và các nhà đầu tư quy mô nhỏ nói chung, song đặc biệt là những người ít có điều kiện về thời gian và tiền bạc, trong đó có phụ nữ, với tư cách là người lao động cũng như người sản xuất, làm dịch vụ hoặc kinh doanh nhỏ.

Các chính sách, chương trình đào tạo nghề cần tập trung vào khu vực nông thôn nơi có đông lao động nữ, đặc biệt là về nâng cao tay nghề, kỹ năng, cách quản lý, kinh doanh phát triển tiểu, thủ công nghiệp, chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng cũng như phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn. Hỗ trợ các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là cơ sở thu hút đông học viên nữ về thông tin, chuyển giao công nghệ, tư vấn và dịch vụ. Thực tế cho thấy khi các chương trình này thực hiện ở các địa phương, nếu không có sự cân nhắc về giới một cách chủ động thường dẫn đến việc một số nghề lại tập trung cho nam giới hoặc đào tạo hướng vào một số nghề được xem là truyền thống đối với phụ nữ, trong khi thị trường cho những lĩnh vực này không phải lúc nào cũng ổn định. Do vậy, rất cần đào tạo cả những nghề mới, chuyển giao công nghệ mới cho phụ nữ và nam giới, nhất là phụ nữ, nhằm tạo ra tính năng động và sự đa dạng trong việc lựa chọn các công việc có thu nhập tốt.

Các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công sử dụng ngân sách Nhà nước cần thu hút tỉ lệ thích đáng học viên là nữ. Xác định và đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu về nữ trong việc bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo cho người dân ở khu vực nông thôn và ven đô, hỗ trợ họ áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp và chế biến. Việc thực hiện chỉ tiêu nữ tham gia tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào đời sống khi những người làm trực tiếp được tiếp cận với thông tin và kiến thức khoa học.

Về dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe: Bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao tính công bằng xã hội trong việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và góp phần chuyển đổi quan hệ giới một cách tích cực. Các giải pháp và định hướng trong bản Kế hoạch 2011-2015 hiện mới chủ yếu thuộc lĩnh vực chung của y tế. Việc đạt được chỉ tiêu cụ thể về giới như giảm chênh lệch giới tính

khi sinh sẽ đảm bảo tính khả thi cao hơn nếu như Kế hoạch đưa ra các giải pháp liên quan đến việc giải quyết các vấn đề chăm sóc sức khỏe nhìn từ góc độ giới. Có thể nêu ra một số giải pháp liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực sức khỏe như sau:

Tăng cường các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới, nhất là nam giới. Tăng cường sự tham gia của nam giới vào kế hoạch hóa gia đình. Mở rộng hoạt động truyền thông đối với nam, nữ vị thành niên về sức khỏe tình dục, tránh thai an toàn. Tăng cường tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ y tế cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản để họ cam kết thực hiện nghiêm quy định không thông báo giới tính thai nhi cho khách hàng, nhằm hạn chế việc nạo thai do lựa chọn giới tính, góp phần ngăn chặn và giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Mặc dù chưa có nghiên cứu chuyên sâu và quy mô về nguyên nhân của sự chênh lệch giới tính khi sinh nhưng việc nạo thai lựa chọn giới tính vẫn được xem là nguyên nhân quan trọng nhất. Do vậy, nếu không có biện pháp tích cực tác động vào nhận thức của người dân và đặc biệt cán bộ y tế cung cấp dịch vụ sẽ rất khó kiểm chế sự chênh lệch đang có xu hướng tăng lên.

Như đã phân tích ở trên, hiện nay tỷ lệ nhiễm HIV ở phụ nữ đang tăng nhanh, một trong những lý do mang đặc trưng giới là họ bị lây nhiễm qua người chồng và người tình (UNAIDS, 2010). Vì vậy, chương trình phòng chống HIV/AIDS cần có những giải pháp cụ thể hướng vào nhóm đối tượng này thông qua truyền thông về tình dục an toàn, đặc biệt là một số nhóm như lao động di cư ra thành thị, lao động tại các khu công nghiệp, lao động tự do... Việc đề cập tới khía cạnh giới trong phòng chống HIV/AIDS trong bản kế hoạch sẽ giúp ngành y tế quan tâm đến vấn đề này khi xây dựng các chương trình hoạt động có liên quan của ngành.

Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển của ngành y tế. Xây dựng cơ sở dữ liệu tách biệt theo giới tính trong toàn bộ hệ thống của ngành y tế nhằm phục vụ quá trình hoạch định chính sách về y tế. Việc xây dựng chính sách một cách khoa học đòi hỏi có những phân tích thực tế. Các số liệu tách biệt giới tính sẽ cho thấy có khoảng cách giới hay không, từ đó mới tìm hiểu nguyên nhân và giải pháp cho các vấn đề cần giải quyết.

Về phát triển văn hóa, thông tin, thể dục thể thao: Bình đẳng giới trong văn hóa - thông tin có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì đây là lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến nhận thức của đông đảo các tầng lớp

nhân dân và của cán bộ, công chức. Cần xem thực hiện bình đẳng giới là một trong những định hướng, giải pháp để phát triển văn hóa theo hướng phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, đồng thời xem bình đẳng giới như một giá trị của văn hóa. Tôn trọng phụ nữ là một truyền thống xa xưa của người Việt Nam. Do vậy, thực hiện bình đẳng giới sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa vừa mang bản sắc dân tộc, vừa đảm bảo yếu tố “tiên tiến” của văn hóa.

Truyền thông có tác động rất to lớn trong việc định hướng dư luận, theo hướng hoặc khắc sâu thêm các định kiến giới trong xã hội hoặc làm thay đổi cách nhìn nhận của xã hội về vai trò của nam, nữ một cách tích cực theo hướng bình đẳng giới. Để phát huy vai trò tích cực của truyền thông, cần thiết phải có định hướng rõ ràng về giới đối với công tác này, đi đôi với giải pháp nâng cao năng lực giới cho đội ngũ làm công tác truyền thông. Vì vậy, việc bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng phân tích giới cho cán bộ thuộc các cơ quan truyền thông là cần thiết. Ngoài ra, cần tăng cường truyền thông về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của nam giới và phụ nữ về bình đẳng giới, sử dụng hình thức truyền thông đa dạng, linh hoạt và phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực. Thực hiện giám sát các hoạt động và sản phẩm truyền thông từ góc độ giới. Áp dụng các hình thức xử phạt đối với các ấn phẩm truyền thông vi phạm Luật Bình đẳng giới.

Tạo điều kiện phát triển các môn thể thao mà nữ có tiềm năng và đã đạt thành tích cao. Đầu tư và chăm sóc vận động viên nam và nữ trên cơ sở bình đẳng. Có như vậy mới tạo được động lực cho nữ vận động viên cống hiến cho sự phát triển của nền thể thao nước nhà.

Về công tác xóa đói giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội: Cần chú trọng đến đối tượng là nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số và ở các vùng khó khăn vì đây là một trong các nhóm đối tượng chịu tác động nhiều của những thay đổi trong chính sách và môi trường kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Họ cũng là nhóm ít có điều kiện và những nguồn lực cần thiết để ứng phó với những thay đổi của chính sách kinh tế - xã hội của quốc gia cũng như những tác động của quá trình hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa.

Tạo điều kiện để phụ nữ nghèo tiếp cận đầy đủ và bình đẳng các nguồn lực kinh tế như đất đai, các nguồn vốn tín dụng, thông tin thị trường, thông tin về luật pháp, chính sách và bình đẳng về cơ hội tham gia thị trường trong từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Đây sẽ là những nguồn lực quan trọng để phụ nữ nghèo vươn lên. Mặc dù nam giới nghèo cũng cần được

tạo điều kiện để tiếp cận với các nguồn lực kinh tế, song xét trong bối cảnh nam giới có nhiều cơ hội hơn để tìm kiếm việc làm và tiếp cận với đất đai, tín dụng và thông tin dễ dàng hơn, thì phụ nữ nghèo cần được xem là một trong những nhóm đối tượng đặc biệt của hệ thống an sinh xã hội.

Bên cạnh đó, cần thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu của phụ nữ và nam giới qua bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp. Đặc biệt, cần hướng tới nhóm lao động có nhiều nguy cơ và dễ bị tổn thương như nam, nữ nông dân, lao động làm thuê ở khu vực phi chính thức và lao động di cư, lao động tự do. Đây là nhóm xã hội hiện còn chưa được quan tâm thỏa đáng xét từ góc độ chính sách của Nhà nước, ví dụ nhóm này hiện nằm ngoài đối tượng điều chỉnh của Luật Lao động.

Về bảo vệ và chăm sóc trẻ em: Một trong những vấn đề đặc biệt quan trọng hiện nay là việc bảo vệ trẻ em và đảm bảo trẻ em trai và gái đều có cơ hội như nhau trong phát triển toàn diện cá nhân. Thực tế là cho đến nay trẻ em gái vẫn làm việc nhà và tham gia các lao động khác nhiều hơn trẻ em trai. Bản Kế hoạch 2011-2015 có nhắc đến vấn đề xâm hại, tuy nhiên, cần nhấn mạnh hơn đến vấn đề xâm hại bao gồm cả xâm hại tình dục. Mặc dù hiện nay trẻ em trai cũng có nguy cơ bị xâm hại tình dục, nhưng trẻ em gái vẫn là đối tượng chủ yếu bị xâm hại tình dục. Chính vì vậy, cần có các giải pháp toàn diện hơn trong vấn đề này. Đề xuất cụ thể ý này như sau: “Cần có các giải pháp toàn diện hơn trong việc bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em gái và bảo đảm trẻ em trai và gái có cơ hội như nhau trong việc phát triển toàn diện cá nhân”.

Về thúc đẩy bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ: Trong mục này chưa nêu được những mục tiêu cơ bản, chỉ tiêu hay vấn đề ưu tiên giải quyết liên quan đến bình đẳng giới. Trong thực tế, vì một số vấn đề về bình đẳng giới trong các lĩnh vực như việc làm, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe, văn hóa - thông tin - thể thao đã được đề cập ở các mục riêng, nội dung mục này nên tập trung vào những khía cạnh chưa được đề cập trong các phân tích về ngành và lĩnh vực. Những đề xuất cụ thể về việc bổ sung bao gồm: Về mục tiêu của việc thúc đẩy bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ trong giai đoạn 5 năm tới nên là: Xóa dần các định kiến về giới, về cơ bản đảm bảo cơ hội, năng lực tham gia và hưởng lợi một cách bình đẳng của phụ nữ và nam giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của đất nước. Ngoài ra, các vấn đề nên đề cập trong mục này là:

- (1) Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo

nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị. Bản kế hoạch có đề cập đến công tác cán bộ nữ, tuy nhiên sẽ thể hiện mạnh mẽ hơn cam kết của Chính phủ trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nếu nêu rõ việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo quản lý nhằm thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 11/NQ-TU (2007) của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(2) Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới. Thúc đẩy bình đẳng giới trong gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng để thúc đẩy bình đẳng giới ở cộng đồng và xã hội. Tăng cường sự tham gia của nam giới trong chia sẻ công việc nhà là một giải pháp quan trọng giúp phụ nữ có thêm thời gian và sức lực phát triển cá nhân một cách toàn diện. Vấn đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ cũng cần được xem là một nội dung quan trọng trong mục này vì nó gây ra nhiều tác hại đối với sức khỏe người phụ nữ và các thành viên gia đình, gây ảnh hưởng tiêu cực đối với các gia đình và cộng đồng. Cần quan tâm đến việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ phụ nữ trong những trường hợp bị bạo lực bao gồm cả việc tiếp cận với cơ quan thực thi pháp luật.

(3) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với công tác bình đẳng giới trong bối cảnh bộ máy quản lý nhà nước mới được hình thành.

Tóm lại, giới là vấn đề mang tính liên ngành, liên lĩnh vực, do vậy, việc tách biệt một mục riêng về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ là cần thiết nhưng chưa đủ. Vấn đề lồng ghép giới cần được đưa vào các nội dung khác của Kế hoạch, đặc biệt liên quan đến các lĩnh vực: kinh tế, lao động - việc làm, văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo. Đồng thời, cần đảm bảo có mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011-2015 với Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020. Trong các lĩnh vực được đề cập ở trên, việc lồng ghép giới cần được thể hiện một cách nhất quán từ chỉ tiêu (các chỉ tiêu liên quan đến nguồn lực con người cần được tách biệt theo giới tính) đến định hướng và giải pháp. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Theo số liệu Tổng điều tra dân số 2009, tỷ lệ chưa biết chữ đối với những người 15-40 tuổi tại 3 vùng khó khăn là như sau: 1) Vùng Trung du miền núi phía Bắc: nam người Kinh là 1,2%, nam Dân tộc thiểu số là 12%; nữ người Kinh là

0,9% và nữ Dân tộc thiểu số là 24,4%; 2) Tây Nguyên: nam người Kinh là 1,3% và nam Dân tộc thiểu số là 17,1%; nữ người Kinh là 1,1% và nữ người Dân tộc thiểu số là 29,1%; 3) Đồng bằng sông Cửu Long: nam người Kinh là 5,1% và nam Dân tộc thiểu số là 15,4%; nữ người Kinh là 4,6% và nữ người Dân tộc thiểu số là 19% (số liệu các tác giả tính toán trực tiếp).

⁽²⁾ Theo số liệu được công bố tại Hội thảo khoa học Nữ trí thức Việt Nam đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 2009: Nữ thạc sĩ là 17,1%; nữ tiến sĩ là 30,53%; nữ phó giáo sư là 11,7% và nữ giáo sư là 5,1% trong tổng số những người đạt trình độ này (số liệu đến năm 2007).

⁽³⁾ Theo số liệu Niên giám thống kê lao động, người có công và xã hội năm 2008: Tỷ lệ lao động nữ chưa qua đào tạo của cả nước là 80,9%, trong khi tỷ lệ của cả nước là 74,9%. Có tới gần 90% lao động nữ khu vực nông thôn chưa qua đào tạo và chỉ có 3,65% lao động ở khu vực này có chứng chỉ nghề. Ở khu vực thành thị vẫn còn tới 58,3% lao động chưa qua đào tạo và chỉ có 9,8% lao động ở khu vực này có chứng chỉ nghề. Số liệu Tổng điều tra dân số 2009 cho biết chỉ có 8,8% lực lượng lao động ở khu vực nông thôn đã qua đào tạo, trong đó 10,2% nam và 7,2% nữ đã qua đào tạo. Chỉ có 7,2% lực lượng lao động nữ tuổi dưới 45 ở nông thôn đã qua đào tạo.

⁽⁴⁾ Theo Bộ Y tế, Cục Phòng chống HIV (2009), tỷ lệ nam và nữ nhiễm HIV là 80,5% và 19,5% (2005), 76,5% và 23,5% (2007) và 73,17% và 26,8% (2009).

Tài liệu tham khảo

- Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương. 2010. *Số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009*.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2010. *Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015 (bản dự thảo 17/5/2010)*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2009. *Các xu hướng việc làm Việt Nam năm 2009*.
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. 2010. *Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020 (bản dự thảo 29/8/2010)*.
- Bộ Y tế, Cục Phòng chống HIV. 2009. *Đánh giá và dự báo HIV/AIDS ở Việt Nam*.
- Hội thảo khoa học Nữ trí thức Việt Nam đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 2009.
- Nhóm điều phối chương trình Giới của Liên hiệp quốc. 2010. *Bản góp ý Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 gửi đến Bộ Kế hoạch - Đầu tư vào tháng 6 năm 2010*.
- Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam và Tổ chức Lao động Quốc tế. 2007. *Phát triển doanh nghiệp nữ ở Việt Nam*.
- Tổng cục Thống kê. 2008. *Điều tra năm 2007 của Tổng cục Thống kê*.
- Tổng cục Thống kê. 2009. *Điều tra mức sống hộ gia đình 2008*.
- Tổng cục Thống kê. 2009. *Số liệu Niên giám thống kê Lao động người có công và xã hội năm 2008*.
- UNAIDS. 2010. *Nghiên cứu về lây nhiễm HIV từ nam giới sang phụ nữ, Thảo luận chính sách (Bản thảo tháng 5/2010)*.